TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1320/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/11/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Nguyên;
2. Bà Nguyễn Ngọc Thủy;

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 613/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 374/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 308/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1979 (Vắng mặt – Có yêu cầu giải quyết vắng mặt);
Địa chỉ: ấp 2, xã TQT, huyện BC, Thành phố H.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm Th, sinh năm: 1983 (Vắng mặt);
Địa chỉ: ấp 2, xã TQT, huyện BC, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Diễm Th bắt đầu sống chung từ năm 2003 do hai người tự tìm hiểu. Hai người có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu hai người chung sống rất hạnh phúc. Đến năm 2017 hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống với nhau. Hai người đã sống ly thân với nhau từ giữa năm 2017 đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm Th.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Anh Th, giới tính nữ, sinh năm 2004 và trẻ Nguyễn Anh Quỳnh Nh, giới tính nữ, sinh năm 2006. Hiện nay, trẻ Anh Th và trẻ Quỳnh Nh đang sống chung với ông. Sau khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ông T không yêu cầu bà Th thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt do có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm Th vắng mặt và không thể hiện ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm Th. Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2003 do Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố NT, tỉnh KH cấp ngày 30/7/2003, giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Diễm Th là vợ chồng được pháp luật công nhận quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo lời trình bày của ông T thì đời sống chung vợ chồng của ông T và bà Th phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng do hai bên bất đồng quan điểm sống với nhau. Ông và bà Th cũng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Xét, đời sống chung vợ chồng giữa ông T và bà Th phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống với nhau. Tuy mâu thuẫn giữa hai người chưa được Ủy ban nhân dân xã TQT tổ chức hòa giải nhưng Ủy ban nhân dân xã TQT đã xác định ông T và bà Th đã không còn chung sống với nhau theo nội dung Công văn số 481/UBND ngày 29/7/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Th để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà Th vắng mặt không rõ lý do, điều này cho thấy bà Th đã không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không còn thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Ngọc T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Ông T và bà Th có 02 con chung tên Nguyễn Anh Th, giới tính nữ, sinh năm 2004 và trẻ Nguyễn Anh Quỳnh Nh, giới tính nữ, sinh năm 2006. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Anh Th và trẻ Quỳnh Nh. Xét, trẻ Anh Th và trẻ Quỳnh Nh hiện đang sống chung với ông T. Trẻ Anh Th và trẻ Quỳnh Nh có nguyện vọng là sống chung với ông T. Ông T có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và đủ khả năng nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ Anh Th và trẻ Quỳnh Nh cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Th có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[3]. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận;

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Diễm Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2003 do Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố NT, tỉnh KH cấp ngày 30/7/2003 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Anh Th, giới tính nữ, sinh năm 2004 và trẻ Nguyễn Anh Quỳnh Nh, giới tính nữ, sinh năm 2006 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Th có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/002298 ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ.

Nguyễn Tấn Việt